TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày: 04-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Châu;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh ngày 01-01-1989, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Lê Thị T2 (chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 16-7-2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 01 năm 01 tháng 20 ngày tù về tội "trộm cắp tài sản", được trả tự do tại phiên tòa ngày 16-7-2009; Ngày 11-12-2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 31-01-2011; Ngày 24-11-2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 07 năm tù về tội "trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 19-7-2018; Ngày 22-8-2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xử phạt 03 năm tù về tội "trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 26-5-2022; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-8-2023 đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Thái Hữu K - Sinh năm 2002 - Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02-4-2023, Thái Hữu K điều khiển xe mô tô biển số 62P2-324.91 đến nhà ngoại là bà Phan Thị T3 tại ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi đến, K để trong cốp xe 01 ví da màu đen, bên trong ví có 8.800.000 đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên K. K để xe trong nhà bà T3, sau đó đi thăm người thân gần đó.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T đến nhà bà T3, mục đích rủ Đường Văn B con của bà T3 cùng uống rượu, nhưng không thấy ai ở nhà. Khi T đến nơi để xe mô tô của K, thấy cốp xe không khóa, nên mở lên xem, phát hiện có 01 ví da màu đen. Tửng nảy sinh ý định và lén lút lấy trộm ví da của K bỏ vào túi quần bên phải phía sau, T đi về nhà và kiểm tra bên trong ví có 8.800.000 đồng cùng số giấy tờ nêu trên. Tửng lấy hết tiền và các giấy tờ tùy thân cất giữ trong người, riêng ví da bỏ vào trong tấm nệm tại phòng ngủ của T.

Sau khi lấy trộm được tài sản, T đến trọ tại xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và tiêu xài hết số tiền đã trộm được. Tại đây, T quen Nguyễn Phú K1 cùng sống chung khu nhà trọ với T. Ngày 05-8-2023, T cùng K1 đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An chơi, trong lúc nói chuyện, T nói có nhặt được một số giấy tờ tùy thân nói trên và đưa cho K1 tìm nơi cầm cố lấy tiền xài. K1 chỉ đồng ý chỉ chỗ cho T cầm cố và nhận cất giữ các giấy tờ trên cho T, sau đó bị Công an xã Đ kiểm tra hành chính phát hiện các loại giấy tờ trên trong người Khánh. Lực lượng Công an mời T và K1 về trụ sở xác minh làm rõ vụ việc. Qua quá trình làm việc, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng tạm giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62P2-324.91, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Thái Hữu K. Đây là giấy tờ hợp pháp của ông K, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 21/QĐ-ĐTTH ngày 15-8-2023 trả lại các giấy tờ trên cho ông K.

Cáo trạng số 09/CT-VKSĐH ngày 15-01-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, cam kết không tiếp tục vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo đồng ý nộp trả tài sản theo yêu cầu của bị hại.

- Bị hại ông Thái Hữu K yêu cầu bị cáo trả lại cho ông 8.800.000 đồng, ông không yêu cầu bồi thường ví da; Yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 4 năm đến 5 năm tù.

+ Các biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 21/QĐ-ĐTTH ngày 15-8-2023 trả lại các giấy tờ tùy thân cho ông K nên không tiếp tục đề cập.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo T trả cho ông Thái Hữu K 8.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 15 giờ ngày 02-4-2023, tại nhà của bà Phan Thị T3, tại ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, Nguyễn Văn T đã lén lút lấy trộm trong cốp xe của ông Thái Hữu K 01 ví da màu đen, bên trong ví có 8.800.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của ông K. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T trộm được là 8.800.000 đồng.

[3] Tại phiên toà, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Bị cáo T đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

[5] Bị cáo T có tiền án về tội xâm phạm tài sản, đã thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[6] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Cáo trạng số 09/CT-VKSĐH ngày 15-01-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo T với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[8] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây nghi ngờ và bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm, bị cáo có nhân thân xấu, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Xét trong quá điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ pháp luật.

[11] Đối với Nguyễn Phú K1 chỉ giữ dùm cho bị cáo T các giấy tờ tùy thân, không biết và không tham gia việc trộm tài sản, tiêu thụ tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về các biện pháp tư pháp, căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự, xét thấy: Vật chứng tạm giữ gồm 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 62P2-324.91, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Thái Hữu K, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 21/QĐ-ĐTTH ngày 15-8-2023 trả lại các giấy tờ trên cho ông K là phù hợp nên không đề cập.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Ông Thái Hữu K yêu cầu và bị cáo T đồng ý nộp trả cho ông K 8.800.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận để buộc bị cáo nộp trả; Cần áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trong việc tính lãi số tiền chậm thi hành án.

[14] Về án phí, căn cứ các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét thấy: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 06-8-2023).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày sau khi tuyên án, để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp trả cho ông Thái Hữu K 8.800.000 đồng (tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 04-4-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Vương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND B;
- Hồ sơ THA.HS (07);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;